

Phát hành ngày 04/05/2022

TỔNG QUAN TTCK TRONG NƯỚC



TỔNG QUAN TTCK	HSX	HNX	UPCOM	VN30
Chỉ số Index	1,366.80	365.83	104.31	1,417.31
%Thay đổi trong tuần	-0.90%	1.87%	0.15%	-1.87%
GTGD TB/ phiên (tỷ đồng)	17,899.02	2,062.32	989.44	11,352.38
%Thay đổi so với tuần trước	-23.92%	-19.10%	-32.45%	-16.94%
KLGD TB/ phiên (triệu CP)	588.96	90.71	56.25	328.26
%Thay đổi so với tuần trước	-20.25%	-14.63%	-24.63%	-13.46%
P/E	14.96	17.81	20.27	14.39
P/B	2.37	2.05	2.62	2.58

Diễn biến TTCK trong nước

Đóng cửa phiên giao dịch cuối cùng của tuần 25-29/4, VN-Index đứng ở mức 1.366,8 điểm, tương ứng giảm 12,43 điểm (-0,9%) so với tuần trước, HNX-Index tăng 6,71 điểm (1,87%) lên 365,83 điểm, UPCoM-Index cũng tăng 0,16 điểm (0,15%) lên 104,31 điểm. Khối ngoại trên toàn thị trường mua vào 252 triệu cổ phiếu, trị giá 11.920 tỷ đồng, trong khi bán ra 233 triệu cổ phiếu, trị giá 11.108 tỷ đồng. Tổng khối lượng mua ròng ở mức 19,6 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị mua ròng là hơn 813 tỷ đồng.

Trên sàn HoSE, khối ngoại có tuần mua ròng thứ 3 liên tiếp với giá trị giảm 69% so với tuần trước và đạt hơn 800 tỷ đồng, tương ứng khối lượng mua ròng là 18,6 triệu cổ phiếu. Tính chung cả 3 tuần qua, dòng vốn ngoại sàn này mua ròng tổng cộng gần 4.500 tỷ đồng. Tại sàn HNX, khối ngoại mua ròng trở lại hơn 13 tỷ đồng, tương ứng khối lượng mua ròng là 794.986 cổ phiếu.

Ở sàn UPCoM, khối ngoại bán ròng chỉ 98,5 triệu đồng, giảm 98% so với tuần trước, tuy nhiên, nếu tính về khối lượng, dòng vốn này mua ròng 159.430 cổ phiếu.

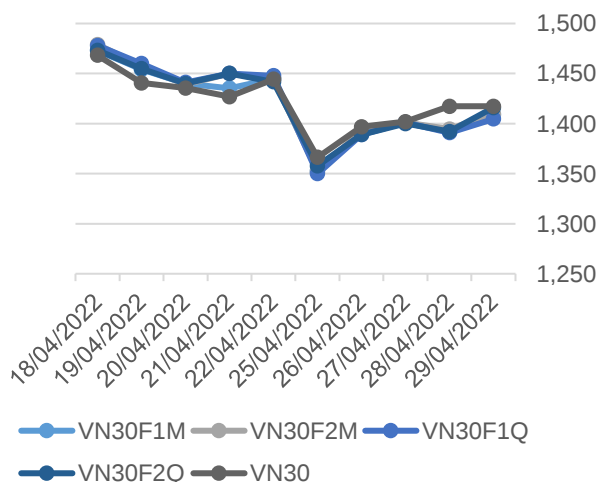
Diễn biến TTCK phái sinh

Thị trường phái sinh giảm điểm mạnh so với tuần trước, đóng cửa tuần tất cả các chỉ số đồng loạt giảm điểm. Tính chung cho cả tuần, VN30F1M giảm 2.49%, tương ứng 1,409.00 điểm; hợp đồng VN30F2M giảm 2.42% xuống mốc 1,409.60 điểm, hợp đồng VN30F1Q đóng cửa ở mức 1,404.70 điểm giảm 2.98%, VN30F2Q giảm 1.79%, đóng cửa ở mức 1,416.00 điểm. Hiện tại, chỉ số cơ sở VN30-Index đang ở mức 1,417.31 điểm, giảm 1.87% so với cuối tuần trước. Tâm lý thị trường đang tỏ ra khá thận trọng, nhà đầu tư có xu hướng bán ra.

Đồ thị chỉ số VNINDEX



Giá HĐTL so với VN30





TTCK QT

Chỉ số
Index%Thay đổi
trong tuần

Dow Jones	33,062	-2.22%
S&P 500	4,155	-2.72%
FTSE 100	7,545	0.30%
DAX	13,939	-1.44%
Shang Hai	3,047	-1.29%
Nikkei	26,819	-1.06%



Diễn biến TTCK quốc tế

Kết phiên 29/4, các chỉ số chứng khoán chính của Mỹ chìm trong sắc đỏ.

Chỉ số Dow Jones Industrial Average tiếp tục có một phiên giảm sâu 939,18 điểm, tương đương 2,8%, xuống 32.944,21 điểm.

Chỉ số S&P 500 giảm 3,6% xuống 4.131,93 điểm.

Chỉ số Nasdaq Composite giảm gần 4,3% còn 12.334,64 điểm, ảnh hưởng lớn bởi sự sụt giảm giá cổ phiếu Amazon.

Chỉ số Kospi của Hàn Quốc tăng 1,03%. Tại Australia, chỉ số S&P/ASX 200 tăng 1,06%. Chỉ số MSCI châu Á-Thái Bình Dương không bao gồm Nhật Bản tăng 2,1%. Thị trường chứng khoán Nhật Bản đóng cửa nghỉ lễ hôm nay. Chỉ số Hang Seng của Hong Kong tăng 3,18%, dẫn đầu đà tăng của các thị trường chứng khoán chính trong khu vực.

Tại Trung Quốc, chỉ số Shanghai Composite tăng 2,41% trong khi chỉ số Shenzhen Component tăng 3,69%.



DIỄN BIẾN GIÁ HÀNG HÓA CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN TTCK



Giá vàng

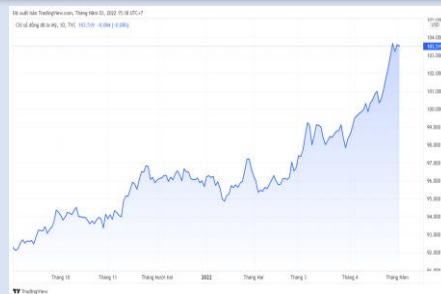
Trong phiên giao dịch 29/4, giá vàng tương lai giao trong tháng 6 trên sàn Comex, New York tăng 20,4 USD, tương đương 1,1%, lên 1.911,7 USD/ounce.

Kết thúc tháng 4, giá vàng tương lai giảm 1,9%, dù tăng 4,5% tính tới thời điểm hiện tại của năm 2022.



Giá dầu

Giá dầu giảm trong phiên giao dịch 29/4, bắt nguồn từ đà sụt giảm giá trị giao dịch hợp đồng dầu sủi tại Mỹ, có thời điểm mất tới hơn 20% trong ngày đáo hạn. Giá hợp đồng tương lai dầu Brent giao trong 2 tháng tới giảm 0,12 USD, còn 107,14 USD/thùng. Giá dầu WTI giảm 0,67 USD xuống 104,69 USD/thùng. Cả Brent và WTI đều tăng giá trong tuần này. Brent tăng 1,3%, trong khi WTI tăng 4,4%.



Tiền tệ

Phiên giao dịch chốt tuần vừa qua, trên thị trường quốc tế, chỉ số USD Index (DXY), đo lường biến động đồng bạc xanh với 6 đồng tiền chủ chốt đứng ở mức 103,21, tăng 1,97%.

Đồng USD trong tuần vừa qua chốt phiên ngày thứ Sáu (29/4) giảm nhẹ 0,40%. Tuy nhiên, trong tuần qua, đồng bạc xanh vẫn đạt mức tăng mạnh 1,97%.



VNINDEX

Kết phiên giao dịch ngày thứ 6 VN-Index tăng 15,81 điểm (1,17%) lên 1.366,8 điểm, Thanh khoản trên sàn HSX đạt trên 21.000 tỷ đồng. Khối ngoại trở lại mua ròng hơn 90 tỷ đồng trên HSX tập trung vào NLG, VCB, DGC. Chốt phiên VN-Index tạo thành cây nến Bullish Candle cho thấy tâm lý nhà đầu tư có phần hưng phấn. Chỉ báo MACD đang cho tín hiệu co lại gần đường Signal, chỉ báo RSI và MFI đã thoát ra khỏi vùng quá bán và đang hướng tới ngưỡng 50. Trên đồ thị tuần, VN-Index đóng cửa hoàn toàn nằm dưới đường SMA20 và SMA50, chỉ báo MACD đang cắt xuống dưới đường Signal cho thấy chỉ số vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh trung hạn.



HNXINDEX

Kết phiên ngày thứ 6, HNX-Index tăng 5,62 điểm (1,56%) lên 365,83 điểm. Thanh khoản trên sàn HNX chỉ đạt hơn 1.700 tỷ đồng. Khối ngoại mua ròng gần 20 tỷ tập trung vào PVS, PVI. Chỉ số tiếp tục hồi phục và đang test lại ngưỡng SMA10, chỉ báo RSI và MFI đều đã thoát khỏi vùng quá bán cho thấy chỉ số đã tạo đáy ngắn hạn. Ở đồ thị tuần, chỉ số HNX-Index đã tạo thành cây nến Pin Bar, chỉ báo RSI đã rời khỏi vùng quá bán. Chúng tôi cho rằng nhiều khả năng trong tuần tới chỉ số sẽ có sự hồi phục trở lại vùng 380 – 390 điểm.

NHẬN ĐỊNH VÀ KHUYẾN NGHỊ



VN-Index đóng cửa tuần tạo thành cây nến Pin Bar với nến rút chân khá dài, chỉ báo RSI đang đi vào vùng quá bán cho thấy chỉ số đang cho tín hiệu tạo đáy trong ngắn hạn. Chúng tôi cho rằng nhiều khả năng trong tuần tới chỉ số sẽ tiếp tục hồi phục để kiểm định lại vùng kháng cự 1.380 – 1.400 điểm và xa hơn là vùng kháng cự 1.410 – 1.425 điểm. Lưu ý: đối với nhà đầu tư lướt sóng, ở giai đoạn hiện tại chỉ số VN-Index đã gây trend tăng trung hạn vì vậy những nhịp hồi phục là cơ hội để giảm tỷ trọng margin, thoát hàng kẹt giá cao, nhà đầu tư nên ưu tiên quản trị danh mục đầu tư trong bối cảnh tâm lý thị trường vẫn còn yếu và theo dõi sát biến động thị trường sau cuộc họp FED trong tuần này.



BỨC TRANH KINH TẾ VĨ MÔ



Tỷ giá: Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) ngày 29/04/2022 được Ngân hàng Nhà nước công bố là 23,140 đồng/USD, tăng 17 đồng so với tuần trước.

Lãi suất: Thị trường tiền tệ liên ngân hàng áp dụng ngày 28/04/2022, lãi suất bình quân liên ngân hàng tăng giảm trái chiều. Cụ thể, lãi suất qua đêm giảm xuống 1.37%/năm, lãi suất tuần giảm xuống mức 1.95%, kì hạn 1 tháng tăng lên mức 2.48%, kì hạn 3 tháng tăng lên 2.84%, trong khi đó kì hạn 6 tháng thì giảm xuống mức 3.64%.



THÔNG TIN TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC ĐẾN THỊ TRƯỜNG

Nguy cơ 'thập kỷ mất mát' bủa vây các nền kinh tế mới nổi Căng thẳng thương mại, đại dịch, đứt gãy chuỗi cung ứng, lạm phát và xung đột quân sự đã cùng nhau giáng đòn nặng nề lên các nền kinh tế mới nổi. Khi hiện trạng của các nền kinh tế dần hiện rõ sau đại dịch, nguy cơ một "thập kỷ mất mát" - thuật ngữ chỉ giai đoạn tăng trưởng chậm, đối diện với các cuộc khủng hoảng tài chính và bất ổn xã hội - với các nước mới nổi ngày càng rõ. Các nền kinh tế mới nổi vốn nuôi hy vọng vươn mình bước vào hàng ngũ các quốc gia giàu có, nhưng rồi phải liên tiếp đối mặt khó khăn trong những năm gần đây. Trong ba năm qua, lần đầu tiên kể từ những năm 1980, hơn một nửa dân số của các nền kinh tế mới nổi tăng thu nhập - tính theo sức mua tương đương - thấp hơn so với Mỹ. IMF dự báo sản lượng kinh tế trên các thị trường mới nổi sẽ tăng 3,8% trong năm nay và 4,4% vào năm 2023. Đây là những con số đã được điều chỉnh giảm mạnh vào năm ngoái và thấp hơn mức trung bình 5% hàng năm trong thập kỷ trước khi Covid-19 xuất hiện.

Kinh tế châu Âu kẹt trong thế khó Kinh tế khu vực châu Âu tăng trưởng nhẹ trong quý đầu năm nhưng đang đối diện với nguy cơ suy thoái do cuộc khủng hoảng Ukraine. Cơ quan thống kê của Liên minh châu Âu ngày 29/4 cho biết GDP quý I của 19 quốc gia khu vực đồng euro tăng hơn 0,2% so với quý IV/2021 và 0,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là tín hiệu tích cực trong bối cảnh kinh tế Mỹ quý rồi giảm 1,4%. Chiến sự càng kéo dài và chi phí năng lượng ở mức cao thì nguy cơ tăng trưởng giảm dần càng lớn. Chi phí năng lượng tăng vọt đang là thách thức lớn nhất đối với châu Âu.



THÔNG TIN TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC ĐẾN THỊ TRƯỜNG

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp 4 tháng tăng 7,5% Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp 4 tháng tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước, mức cao nhất từ đầu năm đến nay. Sản xuất trang phục và thiết bị điện là hai ngành công nghiệp trọng điểm có tốc độ tăng mạnh nhất trong 4 tháng đầu năm, lần lượt ở mức hơn 20% và hơn 19% so với cùng kỳ năm trước. Bọt ngọt và linh kiện điện thoại là 2 sản phẩm công nghiệp tăng mạnh nhất trong 4 tháng đầu năm so với cùng kỳ 2021, với mức tăng chung là 21,5%. Sản xuất công nghiệp tháng 4 ước tính tăng 2% so với tháng trước và tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này có được là nhờ dịch Covid-19 đã được kiểm soát, các doanh nghiệp chủ động hơn về lao động và kế hoạch sản xuất kinh doanh, khắc phục khó khăn để phục hồi, mở rộng sản xuất.

Lần đầu tiên số lượng doanh nghiệp thành lập mới đạt 15.000 Báo cáo kinh tế - xã hội vừa được Tổng cục Thống kê công bố cho thấy hoạt động khởi sự kinh doanh tháng 4 khởi sắc mạnh mẽ. Số doanh nghiệp thành lập mới lần đầu tiên chạm mốc 15.000 doanh nghiệp, nếu tính cả số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, số doanh nghiệp tham gia thị trường trong tháng 4 gấp hơn 2 lần so với doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Theo ngành kinh tế, bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có số doanh nghiệp thành lập mới cao nhất, đạt hơn 17.600, tăng gần 20% so với cùng kỳ 2021. Tính chung 4 tháng đầu năm, số doanh nghiệp thành lập mới đạt 49.600, tăng hơn 12% so với cùng kỳ 2021 và số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động đạt 30.900, tăng gần 61% so với cùng kỳ năm trước.

THÔNG TIN VĨ MÔ TUẦN TỚI



- (04/05/2022) Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) quyết định lãi suất
- (05/05/2022) Báo cáo lạm phát của Ngân hàng Anh.

Phát hành ngày 04/05/2022

LỊCH SỰ KIỆN THỊ TRƯỜNG

Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký cuối cùng	Ngày thực hiện	Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện
04/05/2022	05/05/2022	26/05/2022	HGM	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3.000 đ/cp)
04/05/2022	04/05/2022	04/05/2022	CVP	Upcom	Giao dịch 3.425.980 cổ phiếu đăng ký giao dịch
04/05/2022	05/05/2022	04/05/2022	NCT	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
04/05/2022	05/05/2022	04/05/2022	VVN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
04/05/2022	05/05/2022	17/06/2022	CKG	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
04/05/2022	05/05/2022	20/05/2022	GEE	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)
04/05/2022	04/05/2022	04/05/2022	PGI	HSX	Nhiệm yết bổ sung 22.179.023 cp
04/05/2022	05/05/2022	27/05/2022	KSB	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
04/05/2022	05/05/2022	30/06/2022	TCL	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
04/05/2022	05/05/2022	04/05/2022	VDL	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
04/05/2022	05/05/2022	04/05/2022	PTD	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
04/05/2022	05/05/2022	30/06/2022	TNT	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
04/05/2022	05/05/2022	04/05/2022	NAU	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
04/05/2022	05/05/2022	19/05/2022	UEM	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)
05/05/2022	06/05/2022	07/06/2022	TLD	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
05/05/2022	06/05/2022	05/05/2022	HVA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
05/05/2022	06/05/2022	05/05/2022	DXG	HSX	Giao dịch 4.503.828 cp nhiệm yết bổ sung
05/05/2022	06/05/2022	05/05/2022	PSC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800 đ/cp)
05/05/2022	06/05/2022	05/05/2022	VLC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
05/05/2022	06/05/2022	05/05/2022	CMI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
05/05/2022	06/05/2022	20/05/2022	TMC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (900 đ/cp)
06/05/2022	09/05/2022	06/06/2022	PHS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (480đ/cp)
06/05/2022	09/05/2022	09/06/2022	NT2	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
06/05/2022	09/05/2022	09/06/2022	CAB	Upcom	DHĐCD thường niên năm 2022, trả cổ tức bằng tiền mặt (540đ/cp)
06/05/2022	09/05/2022	06/05/2022	VLA	HNX	Thưởng cp (tỷ lệ 100:85)
06/05/2022	09/05/2022	18/05/2022	DRL	HSX	Chi trả cổ tức còn lại năm 2021 (2.273 đ/cp)
06/05/2022	09/05/2022	06/05/2022	HKB	Upcom	DHĐCD thường niên năm 2021, DHĐCD thường niên năm 2022
06/05/2022	09/05/2022	06/05/2022	SSB	HSX	Giao dịch 181.311.631 cp nhiệm yết bổ sung
06/05/2022	09/05/2022	06/05/2022	PSE	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
06/05/2022	09/05/2022	06/05/2022	FLC	HSX	DHĐCD bất thường năm 2022
09/05/2022	10/05/2022	08/06/2022	PLX	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
09/05/2022	10/05/2022	09/05/2022	BAF	HSX	Trả cổ tức (tỷ lệ 1:0.45), thưởng cp (tỷ lệ 1:0.39)
09/05/2022	10/05/2022	09/05/2022	CJC	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
09/05/2022	10/05/2022	09/05/2022	HFX	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
09/05/2022	10/05/2022	24/05/2022	TET	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (300 đ/cp)
09/05/2022	10/05/2022	11/08/2022	BAX	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (5.000 đ/cp)
09/05/2022	10/05/2022	26/05/2022	FMC	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (2.000 đ/cp)
09/05/2022	10/05/2022	24/05/2022	DHA	HSX	Thanh toán phần cổ tức còn lại năm 2021 (2.000 đ/cp)
09/05/2022	10/05/2022	09/05/2022	ICC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
09/05/2022	10/05/2022	27/05/2022	VGL	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)
09/05/2022	10/05/2022	09/05/2022	SRB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
10/05/2022	11/05/2022	31/05/2022	GMH	HSX	Thanh toán cổ tức còn lại năm 2021 (600 đ/cp)
10/05/2022	11/05/2022	19/05/2022	GDT	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
11/05/2022	12/05/2022	26/05/2022	TDW	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (1.200 đ/cp)
11/05/2022	12/04/2022	11/05/2022	STS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
11/05/2022	12/05/2022	11/05/2022	STS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
11/05/2022	12/05/2022	11/05/2022	ABI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
11/05/2022	12/05/2022	25/05/2022	VDT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)
12/05/2022	28/05/2021	12/05/2022	VCI	HSX	Giao dịch 900.000 cp nhiệm yết bổ sung
12/05/2022	13/05/2022	15/06/2022	YEG	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
12/05/2022	13/05/2022	13/06/2022	FIT	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
12/05/2022	13/05/2022	12/05/2022	PSW	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
12/05/2022	13/05/2022	31/05/2022	INN	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000 đ/cp)
12/05/2022	13/05/2022	14/06/2022	TSC	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
12/05/2022	13/05/2022	12/05/2022	PMG	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
12/05/2022	13/05/2022	12/05/2022	DCL	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
13/05/2022	16/05/2022	08/06/2022	SED	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500 đ/cp)
13/05/2022	16/05/2022	13/05/2022	KDM	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
13/05/2022	13/05/2022	13/05/2022	VNY	Upcom	Giao dịch 5.999.969 cổ phiếu nhiệm yết bổ sung
13/05/2022	16/05/2022	11/06/2022	FDC	HSX	DHĐCD bất thường năm 2022
13/05/2022	16/05/2022	14/06/2022	PGV	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
13/05/2022	16/05/2022	17/06/2022	DHC	HSX	DHĐCD TN 2022, tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2021 (1.500 đ/cp)
13/05/2022	16/05/2022	13/05/2022	VEC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
13/05/2022	16/05/2022	13/05/2022	BDT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
16/05/2022	17/05/2022	16/05/2022	AMP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
16/05/2022	17/05/2022	16/05/2022	HAR	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
17/05/2022	18/05/2022	17/05/2022	VIE	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
17/05/2022	18/05/2022	17/05/2022	REE	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:15)
17/05/2022	18/05/2022	17/05/2022	ONE	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
18/05/2022	19/05/2022	30/06/2022	DPR	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
19/05/2022	20/05/2022	21/06/2022	BKG	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
19/05/2022	20/05/2022	20/06/2022	PPP	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (200 đ/cp)
19/05/2022	20/05/2022	19/05/2022	IHK	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
19/05/2022	20/05/2022	20/05/2022	BTW	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.200 đ/cp)
19/05/2022	19/05/2022	19/05/2022	PVU	Upcom	Hủy DKGD cổ phiếu
20/05/2022	23/05/2022	25/06/2022	LJ0	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
24/05/2022	25/05/2022	21/05/2022	DVP	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022
24/05/2022	25/05/2022	27/06/2022	TPC	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (700 đ/cp)
02/06/2022	03/06/2022	26/05/2022	DGW	HSX	Giao dịch 44.351.747 cp nhiệm yết bổ sung
02/06/2022	03/06/2022	02/06/2022	CTS	HSX	DHĐCD bất thường lần 2 năm 2022
02/06/2022	03/06/2022	02/06/2022	LDG	HSX	DHĐCD thường niên năm 2022 lần 2
15/06/2022	16/06/2022	06/06/2022	KSB	HSX	Giao dịch 2.500.000 cp nhiệm yết bổ sung
15/06/2022	16/06/2022	07/06/2022	MSN	HSX	Giao dịch 5.851.446 cp nhiệm yết bổ sung
15/06/2022	16/06/2022	28/06/2022	VIM	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)
20/07/2022	20/07/2022	05/07/2022	FTS	HSX	Giao dịch 2.074.200 cp nhiệm yết bổ sung (chia 2 đợt)
20/07/2022	20/07/2022	20/07/2022	AAS	Upcom	Giao dịch 49.000.000 cổ phiếu nhiệm yết bổ sung
05/08/2022	05/08/2022	21/07/2022	DTD	HNX	Giao dịch đầu tiên 491.000 cổ phiếu nhiệm yết bổ sung
05/08/2022	05/08/2022	05/08/2022	HLT	Upcom	Giao dịch 1.804.216 cổ phiếu nhiệm yết bổ sung
16/08/2022	16/08/2022	10/08/2022	EVS	HNX	Giao dịch đầu tiên 3.000.000 cổ phiếu nhiệm yết bổ sung
16/08/2022	16/08/2022	16/08/2022	DSC	Upcom	Giao dịch 94.000.000 cổ phiếu nhiệm yết bổ sung
16/08/2022	16/08/2022	21/08/2022	PGI	HSX	Giao dịch 17.743.555 cp nhiệm yết bổ sung
16/08/2022	16/08/2022	27/08/2022	GMD	HSX	Giao dịch 8.648.000 cp nhiệm yết bổ sung
06/09/2022	06/09/2022	29/08/2022	HDC	HSX	Giao dịch 3.325.790 cp nhiệm yết bổ sung (chia 2 đợt)
06/09/2022	06/09/2022	06/09/2022	VKD	Upcom	Giao dịch 500.000 cổ phiếu nhiệm yết bổ sung
06/09/2022	06/09/2022	06/09/2022	TIG	HNX	Giao dịch đầu tiên 30.000.000 cổ phiếu nhiệm yết bổ sung
06/09/2022	06/09/2022	07/09/2022	DCL	HSX	Giao dịch 2.000.000 cp nhiệm yết bổ sung (2 đợt: 7/9/2022, 9/9/2024)
06/09/2022	06/09/2022	15/09/2022	TPB	HSX	Giao dịch 100.000.000 cp nhiệm yết bổ sung
06/09/2022	06/09/2022	15/09/2022	C69	HNX	Giao dịch đầu tiên 30.000.000 cổ phiếu nhiệm yết bổ sung
04/11/2021	16/09/2022	16/09/2022	TCB	HSX	Giao dịch 6.008.568 cp nhiệm yết bổ sung
12/10/2021	16/09/2022	16/09/2022	HSG	HSX	Giao dịch 4.400.000 cp nhiệm yết bổ sung



Phát hành ngày 04/05/2022

ABS
CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

THỐNG KÊ TOP CỔ PHIẾU SÀN HSX

Top tăng mạnh nhất	Mã CK	% thay đổi	Giá đóng cửa
	FLC	33.23%	8,820
	ROS	32.75%	5,310
	AMD	29.66%	4,940
	HAI	28.01%	4,570
	LCM	27.16%	5,150
	TLD	22.51%	8,380
	SJF	22.27%	13,450
	DAG	21.31%	9,050
	TCR	21.11%	6,310
	PTL	19.83%	8,460

Top giảm mạnh nhất	Mã CK	% thay đổi	Giá đóng cửa
	DTA	-13.13%	13,900
	PNC	-11.90%	8,810
	GMC	-10.74%	21,600
	DMC	-9.05%	54,300
	TMT	-8.88%	19,500
	VNS	-8.65%	12,150
	CTR	-8.46%	99,500
	ELC	-8.25%	22,250
	VDS	-7.71%	26,350
	DTL	-7.63%	46,000

THỐNG KÊ TOP CỔ PHIẾU SÀN HNX

Mã CK	% thay đổi	Giá đóng cửa	Top tăng mạnh nhất
ART	48.98%	7,300	
C92	41.67%	6,800	
OCH	41.58%	14,300	
SD2	41.43%	9,900	
KLF	37.84%	5,100	
PDC	36.25%	10,900	
KDM	35.65%	31,200	
SMT	34.21%	15,300	
VC9	32.73%	14,600	
MCO	30.00%	6,500	

Mã CK	% thay đổi	Giá đóng cửa	Top giảm mạnh nhất
SDG	-26.59%	26,500	
ATS	-26.41%	17,000	
PBP	-21.76%	18,700	
SAF	-17.86%	56,100	
DNM	-14.37%	42,900	
SDN	-11.96%	47,100	
LDP	-11.51%	26,900	
VNC	-11.17%	54,900	
HTC	-11.14%	39,100	
QTC	-10.70%	16,700	

THỐNG KÊ TOP CỔ PHIẾU SÀN UPCOM

Top tăng mạnh nhất	Mã CK	% thay đổi	Giá đóng cửa
	L12	48.44%	9,500
	UPC	39.51%	22,600
	SSF	37.04%	3,700
	PXT	34.04%	6,300
	XHC	32.35%	27,000
	PFL	32.26%	8,200
	RGC	32.14%	18,500
	HBH	31.52%	12,100
	YBC	31.48%	14,200
	NWT	31.43%	4,600

Top giảm mạnh nhất	Mã CK	% thay đổi	Giá đóng cửa
	TAW	-44.35%	6,400
	VNY	-40.43%	14,000
	ILC	-22.94%	8,400
	TNW	-27.01%	20,000
	DXL	-24.84%	12,100
	JOS	-37.47%	88,100
	PRO	-34.78%	4,500
	BTB	-33.75%	5,300
	HEC	-31.48%	7,400
	CCI	-31.03%	4,000

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Phát hành ngày 04/05/2022

Giao dịch khối ngoại	HSX	HNX	UPCOM
Tổng GTGD ròng (tỷ đồng)	800.22	13.12	-0.10
Tổng KLGD ròng (triệu CP)	18.62	0.79	0.16

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI SÀN HSX

TOP MUA RÒNG		
Mã CK	KLCP ròng (CP)	GTGD ròng (triệu đồng)
NLG	5,916,500	272,924
DGC	679,100	151,336
VNM	1,764,000	130,390
SBT	6,216,400	129,979
VCB	1,439,390	122,742

TOP BÁN RÒNG		
Mã CK	KLCP ròng (CP)	GTGD ròng (triệu đồng)
VHM	(8,111,200)	(512,706)
NVL	(2,078,872)	(167,086)
DXG	(3,780,800)	(130,637)
KBC	(1,978,000)	(83,589)
VIC	(913,900)	(69,920)

THỐNG KÊ TOP CỔ PHIẾU SÀN HNX

TOP MUA RÒNG		
Mã CK	KLCP ròng (CP)	GTGD ròng (triệu đồng)
PVS	945,399	22,486
PVI	142,500	7,252
TVD	207,300	3,140
TA9	163,200	2,763
PLC	42,500	1,459

TOP BÁN RÒNG		
Mã CK	KLCP ròng (CP)	GTGD ròng (triệu đồng)
IDC	(204,300)	(10,414)
SHS	(453,100)	(8,645)
MBG	(627,200)	(6,229)
VCS	(46,000)	(4,629)
THD	(25,200)	(2,836)

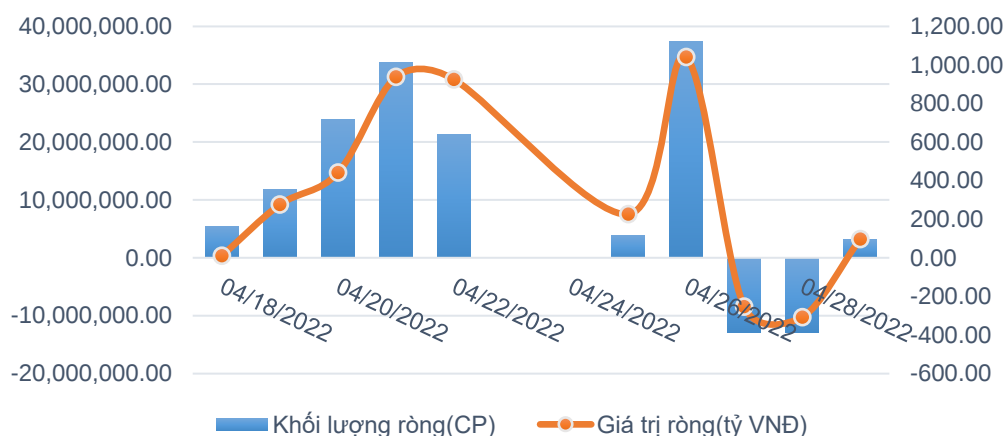
THỐNG KÊ TOP CỔ PHIẾU SÀN UPCOM

TOP MUA RÒNG		
Mã CK	KLCP ròng (CP)	GTGD ròng (triệu đồng)
LTG	161,000	5,900
SIP	40,000	4,500
CLX	195,400	4,400
VTP	61,011	4,300
VGG	93,900	4,200

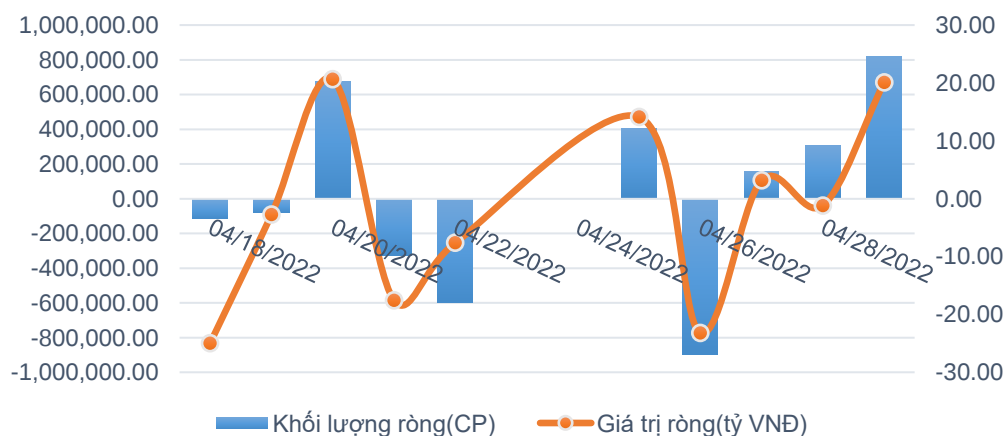
TOP BÁN RÒNG		
Mã CK	KLCP ròng (CP)	GTGD ròng (triệu đồng)
VEA	(529,800)	(23,979)
VGT	(447,100)	(8,571)
CSI	(43,500)	(2,806)
MCH	(23,300)	(2,539)
NTC	(8,800)	(1,498)

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI (tiếp)

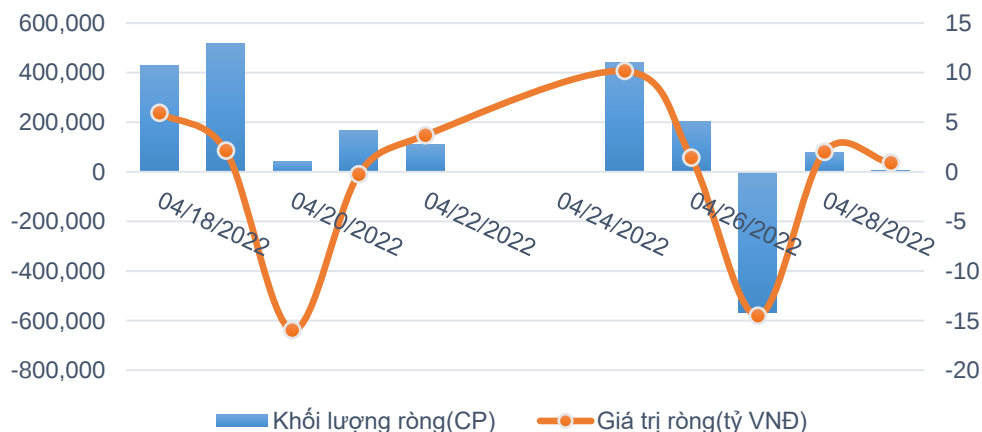
Giao dịch khối ngoại HSX



Giao dịch khối ngoại HNX



Giao dịch khối ngoại UPCOM



KHUYẾN CÁO

Bản tin Thị trường Chứng khoán Tuần của ABS tổng hợp và đưa ra những khuyến nghị đầu tư mang tính chất tham khảo, nhằm hỗ trợ khách hàng. ABS không có bất cứ cam kết hay đảm bảo gì đối với tính chính xác của các thông tin đồng thời không chịu trách nhiệm về bất cứ thiệt hại nào liên quan đến việc khai thác thông tin từ bản tin Thị trường Chứng khoán Tuần này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Hội sở

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,
Q. Đống Đa, Hà Nội
Tel: (024) 35624626; Fax: (024) 35624628

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

P201, Tòa nhà Smart View, 161A-163-165 Trần Hưng Đạo,
Q1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (028) 3838 9655 - Fax: (028) 3838 9656

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, tòa nhà An Bình Bank, số 255 Lê
Duẩn, P. Tân Chính, Q. Thanh Khê, TP. Đà
Nẵng
Tel: (0236) 365 3992 - Fax: (0236) 365 3991

Chi nhánh Hải Phòng

Phòng 131-132, Tầng 1, Tòa nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê
Thánh Tông, Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: (0225) 356 9190 - Fax: (0225) 356 9191

Chi nhánh Bắc Ninh

10 Nguyễn Đăng Đạo, Tiền An, TP. Bắc Ninh
Tel: (0222) 389 3088 - Fax: (0222) 389 3087

Chi nhánh Thái Bình

399 Lê Quý Đôn, TP. Thái Bình
Tel: (0227) 625 5556 - Fax: (0227) 625 5557

Chi nhánh Huế

Tầng 2, số 38 Bến Nghé, Phường Phú Hội, TP. Huế
Tel: (0234) 393 5936 - Fax: (0234) 383 1656

Chi nhánh Vũng Tàu

Tầng 1, Số 370 Lê Hồng Phong, Phường 3, TP. Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Tel: (0254) 354 3166 - Fax: (0254) 354 3168

Sàn giao dịch Hoàng Cầu

Tầng 1, Tòa nhà GELEXIMCO, số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Tel: (024) 3562 4626 máy lẻ 366/368

Sàn giao dịch Láng Hạ

101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Tel: (024) 3562 4626 máy lẻ 666/712 - Fax: (024) 3562 4628

Phòng Phân Tích

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (024) 35624626 số máy lẻ: 135

www.abs.vn